

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày 26 tháng 6 năm 2025
“V/v tranh chấp yêu cầu bồi
thường thiệt hại do danh dự,
nhân phẩm bị xâm phạm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh và bà Huỳnh Thị Kim Ngân;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa:** Huỳnh Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 703/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp dân sự yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Dương Minh T, sinh năm 1973; địa chỉ: số A, đường T, khóm E, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1961; địa chỉ: Số D, Hồ Tùng M, khóm H, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số A, T, tổ C, khóm E, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày tại phiên tòa: Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 05/11/2024, tại nơi bà D buôn bán tại nhà Số A, T, tổ C, khóm E, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; bà D lớn tiếng vu khống tại nơi đông người; bà D khẳng định bà T ăn nằm với em trai của bà D khoảng 01 tháng nay, bà dung còn xúc phạm danh dự nhân phẩm bà T bằng những từ khó nghe, chửi xúc phạm nặng nề đến ngoại hình của bà, “mày là đồ không chồng, không ai nuôi, mày nữa mày khổ, mày hót cắt mày ăn, mô tả mặt như mặt lợn, mặt mèo; hơn thế nữa

chửi mẹ ruột của bà và bà chết cùng lúc để hai cái hòm.... ». Bên cạnh đó, bà D còn thách thức bà T đánh nhau với bà D. Đến khoảng 08 giờ, bà D tiếp tục chửi bà T nơi chốn đông người và vu khống bà T đeo bám em trai bà D không được nên kiếm chuyện với bà D. Do bức xúc nên bà T có trình báo ban khóm E, phường C, thành phố C ; ban khóm có tổ chức hòa giải sự việc giữa bà và bà D, tuy nhiên không thành do bà D không thừa nhận. Nhận thấy những lời lẽ, hành vi của bà D là xúc phạm nặng nề đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của bà T nơi công cộng, nên bà T yêu cầu Tòa án buộc bà D bồi thường tổn thất tinh thần do hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà D gây ra cho bà T theo quy định pháp luật;

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Vào ngày 05/11/2024, giữa bà với bà T có mâu thuẫn với nhau về việc bà có buôn bán trước cửa nhà bà T, mâu thuẫn về việc cục đá ở vỉa hè gần nhà bà T, bà T đề nghị xe hút rác lấy đi, nhưng bà không đồng ý do cục đá để dần cái bảng hiệu của L. Từ đó bà D và bà T cãi vã, bà T nói bà D “*đồ nghèo mặc hạn*” nên bà D có nói “*tôi nghèo nhưng không có xin gì của T*”, T nói “*Không xin mà ngồi trước cửa nhà tao*”, bà D nói “*do nghèo nên xin trước cửa nhà T sao T nặng lời với tôi*”, T kêu bà D là “*con ngựa*”. Bà D khẳng định, bà không có xúc phạm danh dự gì của bà T nhưng ngược lại, T nhỏ tuổi hơn nhưng dùng những lời lẽ xúc phạm bà D, nhưng vì tình làng nghĩa xóm nên không khởi kiện bà T về việc xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà.

Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành do không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa,

- Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà D bồi thường tổn thất tinh thần do hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà D gây ra cho bà T theo quy định pháp luật với số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

- Bà D vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày quá trình tố tụng, khẳng định không có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà T nên không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203, 208 BLTTDS năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về giải quyết vụ án: Nhận Thấy, nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà bị đơn bà D bồi thường thiệt hại do hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà D gây ra cho bà T theo quy định pháp luật. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cũng như biên bản hòa giải tại Khóm E, phường C và bà T có cung cấp 01 USB chứa 01 đoạn camera ghi lại bà D soi mói gia đình bà qua việc bán xoài, đậu xe trước cửa nhà bà và 03 đoạn camera ghi lại bà D nhiều lần dắt xe trước cửa sân nhà bà (BL số 48). Thấy rằng không thể hiện việc bà D có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà T, đồng thời, bị đơn bà D cũng không thừa nhận có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm đối với bà T; ngoài lời trình bày bà T không có chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 584, 585, 592 BLDS năm 2015 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà D bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Từ phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường tổn thất tinh thần do hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bị đơn gây ra. Bị đơn bà D có nơi cư trú tại thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng vào ngày 05/11/2024, bà D có cãi vã lớn tiếng với bà T, đồng thời dùng lời lẽ thô tục để xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà T, cụ thể nói bà T có quan hệ tình dục với em trai bà tên là H trong thời gian khoảng 01 tháng nay, nói bà là người không có chồng, sau này không ai nuôi và dùng lời lẽ xúc phạm nặng nề đến ngoại hình của bà, hơn thế nữa là xúc phạm đến người mẹ ruột của bà đang bệnh nằm một chỗ. Bên cạnh đó, còn thách thức bà T đánh nhau, nói bà T không quen được con trai của bà nên bà T kiếm chuyện với bà D. Quá trình tố tụng, bị đơn bà D khẳng định không có việc xúc phạm danh dự và thách thức đánh nhau như bà T đã trình bày.

Tại Điều 592 bộ luật dân sự quy định: Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm:

“1. Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm bao gồm:

- a) Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại;*
- b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút;*
- c) Thiệt hại khác do luật quy định.*

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu.”

Thiệt hại về tinh thần là tổn thất do bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích nhân thân khác mà chủ thể bị xâm phạm hoặc người thân thích của họ phải chịu và cần phải được bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất đó. Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm. Thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm và ngược lại hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại, có lỗi của người xâm phạm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Nguyên đơn, bà T cho rằng sự việc có đến Công an phường C giải quyết, nên yêu cầu tòa án xác minh. Tại biên bản xác minh ngày 17/6/2025, Công an phường xác định không có giải quyết sự việc gây gổ, xúc phạm danh dự giữa bà T và bà D. Tòa án thông báo yêu cầu bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ. Tuy nhiên, bà T không chứng minh được thiệt hại, tổn thất tinh thần như thế nào. Hơn nữa các USB bà T cung cấp không thể hiện có bị xúc phạm; và tại phiên tòa bà T khai nhận việc lắp đặt camera là sau khi cãi vã với bà D mới thu thập thành USB giao nộp Tòa án. Từ đó, xét thấy không phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 584 của Bộ luật Dân sự. Nên yêu cầu khởi kiện của bà T không đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận. Lẽ ra, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí đối với các yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, uy tín.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 34, Điều 584; Điều 585 và Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Minh T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Minh T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức